

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 18/2021/NQ-HĐND

Kiên Giang, ngày 13 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng
phí thẩm định cấp giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ TƯ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 216/TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Báo cáo thẩm tra số 29/BC-BKTNS ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

2. Đối tượng áp dụng

Tổ chức, cá nhân nộp phí; cơ quan thu phí; tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường.

Điều 2. Mức thu

1. Phí thẩm định cấp giấy phép môi trường đối với các dự án, cơ sở thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 3 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường:

a) Dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; dự án/cơ sở đã đi vào hoạt động; cơ sở đã vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường trước ngày Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực:

- Đối với các dự án, cơ sở trên đất liền: 7.500.000 đồng/giấy phép;
- Đối với các dự án, cơ sở trên các đảo: 20.200.000 đồng/giấy phép.

b) Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường nhưng thuộc đối tượng phải cấp Giấy phép môi trường:

- Đối với các dự án, cơ sở trên đất liền: 9.000.000 đồng/giấy phép;
- Đối với các dự án, cơ sở trên các đảo: 23.300.000 đồng/giấy phép.

2. Phí thẩm định cấp giấy phép môi trường đối với các dự án, cơ sở thuộc thẩm quyền cấp Giấy phép môi trường của Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường:

a) Cơ sở thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường: 5.300.000 đồng/giấy phép;

b) Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường nhưng thuộc đối tượng phải cấp Giấy phép môi trường: 6.300.000 đồng/giấy phép;

3. Mức thu phí quy định tại Nghị quyết này tính theo từng lần thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường và không bao gồm chi phí lấy mẫu, phân tích mẫu chất thải theo quy định.

Điều 3. Cơ quan thu phí, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng

1. Cơ quan thu phí: Sở Tài nguyên và Môi trường; Phòng Tài nguyên và Môi trường.

2. Cơ quan thu phí nộp 10% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước, để lại 90% tổng số tiền phí thu được để sử dụng chi các nội dung theo quy định

tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Phí và lệ phí.

3. Cơ quan thu phí thực hiện kê khai tiền phí thu được theo tháng, quyết toán năm theo quy định. Định kỳ hàng tuần, cơ quan thu phí phải gửi số tiền phí thu được vào tài khoản chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc Nhà nước cùng cấp.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Nghị quyết này thay thế mục III, phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 122/2018/NQ-HĐND ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang khóa X, Kỳ họp thứ Tư thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022. /

Kiểu

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND cấp huyện;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Phòng Công tác HĐND;
- Hồ sơ công việc;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Mai Văn Huỳnh